# [**So sánh kế toán doanh nghiệp và kế toán ngân hàng**](http://hocketoanthuchanh.vn/Tin-tuc/so-sanh-ke-toan-doanh-nghiep-va-ke-toan-ngan-hang.html)

Nhiều bạn thường hay so sánh giữ kế toán nhà hàng và kế toán doanh nghiệp khác nhau như thế nào? Câu hỏi này đã được các bạn đặt ra rất nhiều.

Tuy nhiên, cách sử dụng thuật ngữ và hình thức trình bày khác nhau khiến cho người đọc có cảm giác thấy hai lĩnh vực kế toán có sự khác nhau. Từ đó, việc vận dụng giữa hai lĩnh vực kế toán này trở nên khó khăn đối với người học, người làm công tác kế toán.

Có thực tế là một người học kế toán tài chính DN thì gặp nhiều khó khăn khi làm kế toán ngân hàng và ngược lại. Để có thể làm việc được ở hai lĩnh vực này, người làm công tác kế toán phải học kế toán cả hai lĩnh vực, dẫn đến tiêu tốn cả thời gian và tiền của.

Các bạn cùng trung tâm tham khảo sự khác nhau của kế toán ngân hàng và kế toán doanh nghiệp

I. Nội dung

|  |  |
| --- | --- |
| **Kế toán doanh nghiệp** | **Kế toán ngân hàng** |
| Là việc ghi chép, phản ánh một cách tổng quát trên tài khoản, sổ kế toán và các báo cáo tài chính theo các chỉ tiêu giá trị của doanh nghiệp | Là một công cụ để tính toán, ghi chép bằng con số phản ánh và giám đốc toàn bộ các hoạt động nghiệp vụ thuộc ngành ngân hàng |

Về bản chất kế toán ngân hàng và kế toán doanh ngiệp đều hạch toán các nghiệp vụ phát sinh trong kì kế toán. Ngân hàng cũng là một doanh nghiệp nhưng kinh doanh mặt hàng đặt biệt là tiền. Cả hai đều có mối quan hệ chặt chẽ với thông tin kế toán, đều có mục đích là phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh của đơn vị thông qua 3 thước đo: tiền tệ, hiện vật và thời gian lao động, trong đó tiền tệ là thước đo chủ yếu.

II. Đối tượng

Đối tượng của kế toán là sử dụng thước đo bằng tiền phản ánh nguồn vốn, cơ cấu hình thành các nguồn vốn và việc sử dụng vốn (tài sản) trong các hoạt động của doanh nghiệp

1. Tài sản và nguồn vốn.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Kế toán doanh nghiệp** | **Kế toán ngân hàng** |
| Tài sản |  |  |
| Kết cấu tài sản | - Tài sản lưu động: tiềm mặt, TGNH, NVL, sản phẩm, nợ phải thu...- TSCĐ: nhà xưởng, máy móc thiết bị | - Tài sản lưu động: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi tại NHNN, tín phiếu, trái phiếu, chứng khoán đầu tư...- TSCĐ: nhà cửa, vất kiến trúc, máy móc... |
| Nguồn vốn hình thành | - Vốn vay: vay NH, vay DH..- Nguồn vốn CSH: vốn kinh doanh, lợi nhuận chưa phân phối... | Từ các giao dịch hoặc sự kiện đã qua như: góp vốn, mua sắm, tự sản xuất, được cấp, được biếu tặng.. |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Nguồn vốn | **Doanh nghiệp** | **Ngân hàng** |
| Nợ phải trả | Đây là nguồn vốn bổ sung quan trọng nhằm đáp ứng đủ vốn cho nhu cầu sản xuất kinh doanh.- Gồm: vay ngắn hạn, vay dài hạn, phải trả người bán, phải trả khác. | Đây là nghĩa vụ hiện tại của ngân hàng phát sinh từ các giao dịch và sự kiện đã qua mà ngân hàng phải thanh toán từ nguồn lực của mình.- Gồm: tiền gửi của KBNN, của các TCTD, của khách hàng, tiền vay NHNN.. |
| Vốn chủ sở hữu | Là nguồn vốn ban đầu do CSH DN bỏ ra để tạo nên các loại tài sản nhằm thực hiện các hoạt động SXKD, VCSH còn được bổ sung thêm trong quá trình hoạt động của DN | Là giá trị vốn của NH được tính bằng số chênh lệch giữa TS của ngân hàng trừ nợ phải trả.Gồm: vốn điều lệ, thặng dư vốn cổ phần, quỹ dự trữ bổ sung VĐL, cổ phiếu quỹ.. |

2. Thu nhập và chi phí

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Doanh nghiệp** | **Ngân hàng** |
| **Doanh thu** | Thu từ hoạt động SXKD thông thường: bán sản phẩm, HH, cung cấp dịch vụ cho KH-Doanh thu tài chính: tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia.-Thu nhập khác: thu từ thanh lí và nhượng bán TSCĐ, thu tiền phạt KH vi phạm hoạt động . | Thu từ hoạt động SXKD: thu từ hoạt động tín dụng, thu lãi tiền gửi, thu dịch vụ, thu từ  HĐKD ngoại hối và vàng, thu lãi góp vốn, mua cổ phần, thu về chênh lệch tỷ giá...  -Thu khác gồm: thu từ việc nhượng bán và thanh lí TSCĐ, thu về các khoản vốn đã được xử lí bằng dự phòng rủi ro, thu kinh phí quản lí đối với các Cty thành viên độc lập. |
| **Chi phí** | Chi phí hoạt động SXKD: GVHB, chí phí BH, chi phí QLDN-Chi phí tài chính:các khoản chi phí từ hoạt động tài chính: cho vay, đầu tư chứng khoán, cho thuê tài chính | -Chi phí hoạt động KD: chí phí trả lãi tiền gửi, CP phải trả lãi tiền vay, chi HĐKD ngoại hối và vàng, chi mua bán cổ phiếu trái phiếu...-Chi phí khác: Chi nhượng bán, thanh lí TSCĐ, CP thu hồi nợ quá hạn khó đòi.. |

III. Đặc điểm

KTDN và KTNH đều tuân thủ các nguyên tắc, nội dung và phương pháp hạch toán theo các chuẩn mực kế toán và Luật kế toán đã ban hành.Những nguyên tắc kế toán cơ bản bao gồm: cơ sở dồn tích, hoạt động liên tục, giá gốc, phù hợp, nhất quán, thận trọng, trọng yếu

|  |  |
| --- | --- |
| **Doanh nghiệp** | **Ngân Hàng** |
| - Cở sở ghi sổ sách kế toán là những chứng từ gốc hợp lệ,đảm bảo thông tin chính xác và cơ sơ hợp lý.  -Sử dụng cả 3 loại thước đo: giá trị,hiện vật,thời gian, nhưng chủ yếu là giá trị.  - Thông tin số liệu: bằng hệ thống biểu mẫu báo cáo theo quy định của NN (thông tin bên ngoài) và theo các biểu mẫu báo cáo do giám đốc quy định (thông tin nội bộ) | - Là tổ chức trung gian tài chính nên  phản ánh rõ nét tình hình huy động vốn trong các thành phần kinh tế và dân cư, đồng thời sử dụng số tiền đó để cho vay.  - Có tính giao dịch và xử lí nghiệp vụ NH  - Có tính cập nhật và chính xác cao độ.  - Có số lượng chứng từ lớn và phức tạp- Có tính tập trung và thống nhất cao |

IV. Mục tiêu và nhiệm vụ

1. Mục tiêu

KTDN và KTNH đều cung cấp nguồn thông tin về tình hình HĐKD của đơn vị để phục vụ cho các đối tượng sử dụng như:

-Các nhà quản trị

- Các nhà đầu tư

- Khách hàng

- Cơ quan thuế

- Các cơ quan quản lí khác

2/ NHIỆM VỤ:

|  |  |
| --- | --- |
| **Ngân hàng** | **Doanh nghiệp** |
| - Ghi chép kịp thời đầy đủ các nghiệp vụ tài chính phát sinh của đơn vị mình  -Giám sát chặt chẽ các khoản tài chính thu chi , quá trình sử dụng tài sản của ngân hàng và của xã hội thông qua các khâu kiểm soát của kế toán  -Cung cấp thông tin cho NHTW và các cơ quan quản lý nhà nước khác  .-Tổ chức tốt công việc giao dịch với khách hàng | - Tính toán, phản ánh chính xác số liệu thực tế phát sinh trên các tài khoản hạch toán liên quan  .- Phản ánh tình hình chi phí, thu nhập, xác định tình hình lãi lỗ trong kì kế toán của DN để qua đócủng cố và tăng cường trách nhiệm quyền hạn trong việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.  - Thông qua kết quả kế toán, đặt ra những biện pháp có hiệu lực để đẩy mạnh mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp |
|  | . |

**V/ CHỨNG TỪ:**

Chứng từ kế toán là các bằng chứng để chứng minh các nghiệp vụ phát sinh trong kì của đơn vị và là cơ sở để hạch toán vào tài khoản kế toán.

Hai hệ thống kế toán đều tuân thủ theo hai hình thức chứng từ

- Chứng từ bắt buộc

- Chứng từ hướng dẫn

Luôn tuân theo các bước: lập chứng từ, xử lý, kiểm tra chứng từ, ghi sổ và lưu trữ chứng từ.

Phân loại chứng từ:

|  |  |
| --- | --- |
| **Doanh nghiệp** | **Ngân Hàng** |
| \*Chứng từ bắt buộc: chứng từ liên quan đến thu tiền, chi tiền ( phiếu thu, phiếu chi) và chứng từ lên quan đến việc tính thuế (hóa đơn GTGT, hóa đơn bán hàng...)  \* Còn lại thuộc chứng từ hướng dẫn: hợp đồng lao động, thư chào hàng.. | \*Theo chế độ Kế toán: CT bắt buộc, CT hướng dẫn.  \*Theo địa điểm lập: CT nội bộ và CT bên ngoài.  \*Theo mức độ tổng hợp: CT đơn nhất và CT tổng hợp.\*Theo nội dung và mục đích sử dụng:CT tiền mặt và CT chuyển khoản.  \*Theo trình độ chuyên môn kĩ thuât: CT giấy và CT điện tử.\*Theo công dụng và trình tự ghi sổ: CT gốc, Ct ghi sổ, CT liên hợp. |